

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 23-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mật;

Bà Nông Thị Sen.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2023/TLST-HS, ngày 21 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 01/2024/TB-TA ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn N, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1991, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1963 và bà Lương Thị C, sinh năm 1965; có vợ Lý Thị O, sinh năm 1993 và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 15-10-2023 đến ngày 24-10-2023 được áp dụng biện pháp C1 đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

2. Lý Văn N1, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1992, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng (là Đảng viên Chi bộ Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 140-QĐ/UBKTHU ngày 25-12-2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C8, tỉnh Lạng Sơn); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T1, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Nông Thị D, sinh năm 1951; có vợ Ma Thị H, sinh năm 1992 và 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C

từ ngày 15-10-2023 đến ngày 24-10-2023 được áp dụng biện pháp C1 đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

3. Tô Văn C2, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1992, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng (là Đảng viên Chi bộ Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 141-QĐ/UBNDTHU ngày 25-12-2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C8, tỉnh Lạng Sơn); trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn C3, sinh năm 1964 và bà Lý Thị È, sinh năm 1964; có vợ Hoàng Thị C4, sinh năm 1994 và 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 15-10-2023 đến ngày 24-10-2023 được áp dụng biện pháp C1 đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

4. Nông Văn V, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1991, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C5, sinh năm 1966 và bà Hà Thị T2, sinh năm 1969; có vợ Vy Thị Y, sinh năm 1994 và 01 con (sinh năm 2017); tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 15-10-2023 đến ngày 24-10-2023 được áp dụng biện pháp C1 đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

5. Phương Văn N2, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1989, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Văn L, sinh năm 1965 và bà Triệu Thị V1, sinh năm 1966; vợ Vy Thị C6, sinh năm 1988 và 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 15-10-2023 đến ngày 24-10-2023 được áp dụng biện pháp C1 đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

6. Lý Văn C7, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2000, tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn K, sinh năm 1978 và bà Triệu Thị H1, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 15-10-2023 đến ngày 24-10-2023 được áp dụng biện pháp C1 đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

7. Hoàng Ngọc L1, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1989, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1953; có vợ Nông Thị N3, sinh năm 1988 và 02

con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 15-10-2023 đến ngày 24-10-2023 được áp dụng biện pháp C1 đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị N4, sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị T4, sinh năm 1958; trú tại: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Bà Ma Thị H, sinh năm 1992; trú tại: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15-10-2023 tại nhà của Hoàng Văn T3, Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang một nhóm đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền gồm Lê Văn N, Lý Văn N1, Lý Văn C7, Nông Văn V, Phương Văn N2, Tô Văn C2, Hoàng Ngọc L1. Thu giữ vật chứng gồm: số tiền 6.400.000 đồng trên chiếu bạc; 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn; 01 bát sứ màu trắng có hoa văn; 04 quân vị hình tròn một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; 01 chiếu xốp nhựa có hoa văn, hình vẽ nhiều màu sắc, kích thước 223cm x 193cm. Kiểm tra, tạm giữ trên người các đối tượng: Lý Văn N1 số tiền 24.200.000 đồng; Lê Văn N số tiền 10.320.000 đồng; Phương Văn N2 số tiền 2.640.000 đồng; Nông Văn V số tiền 5.800.000 đồng; Lý Văn C7 số tiền 40.000 đồng; Tô Văn C2 số tiền 4.830.000 đồng. Quá trình điều tra xác định: Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc là 34.230.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ chưa xử lý gồm: Số tiền 54.230.000 đồng; 01 đĩa sứ màu trắng có hoa văn; 01 bát sứ màu trắng có hoa văn; 04 quân vị hình tròn một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; 01 chiếu xốp nhựa có hoa văn, hình vẽ nhiều màu sắc kích thước 223cm x 193cm.

Cáo trạng số: 01/CT-VKSCL ngày 20 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 thừa nhận hành vi phạm tội Đánh bạc của mình như cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Văn T3 khai tại cơ quan điều tra: Ông là người quản lý, chủ nhà mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc, tại thời điểm các bị cáo đánh bạc thì ông đã đi ngủ do say rượu, không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình, không được hưởng lợi gì và không biết các bị cáo lấy bát, đĩa làm của gia đình làm công cụ sử dụng đánh bạc, ông không yêu cầu nhận lại các công cụ đánh bạc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hoàng Thị N4 khai tại cơ quan điều tra: Bà là vợ ông Hoàng Văn T3, hôm các bị cáo đánh bạc tại nhà của gia đình, bà đi làm rừng cùng mẹ chồng là bà Hoàng Thị T4, bà không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình, không biết các bị cáo lấy bát, đĩa làm của gia đình làm công cụ sử dụng đánh bạc, bà không yêu cầu nhận lại các công cụ đánh bạc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hoàng Thị T4 khai tại cơ quan điều tra: Bà là mẹ đẻ ông Hoàng Văn T3, hôm các bị cáo đánh bạc tại nhà của gia đình, bà đi làm rừng cùng vợ của con trai mình nên không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà của gia đình, bà không có ý kiến gì về công cụ đánh bạc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Ma Thị H khai tại cơ quan điều tra: Bà là vợ của bị cáo Lý Văn N1, sau khi sự việc xảy ra bà mới biết việc ngày 15-10-2023 chồng bà đi tham gia đánh bạc và mang theo người số tiền 20.000.000 đồng là tiền của bà, trước đó bà đã đưa chồng cầm để đi mua trâu, bò về nuôi, hiện đang bị Cơ quan Công an tạm giữ, bà yêu cầu được Tòa án xem xét trả lại số tiền trên cho bà.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm buộc tội các bị cáo, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh, tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn N, xử phạt từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Văn N1, xử phạt từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, xử phạt từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Ngọc L1, xử phạt từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sù có hoa văn; 01 bát sù màu trắng có hoa văn; 04 quân vị hình tròn được niêm phong trong phong bì; 01 chiếu xốp nhựa có hoa văn, hình vẽ, nhiều màu sắc. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 34.230.000 đồng. Trả lại cho bà Ma Thị H số tiền còn lại 20.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 của Quốc hội, các bị cáo Lê Văn N, Tô Văn C2, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Nông Văn V, Hoàng Ngọc L1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Lý Văn N1 được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hoàng Văn T3, bà Hoàng Thị N4, bà Hoàng Thị T4, bà Ma Thị H đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15-10-2023 tại nhà của ông Hoàng Văn T3 ở thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 34.230.000 đồng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an của địa phương. Các bị cáo là người có

thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu giải trí của bản thân và coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm trước pháp luật.

[5] Từ những nhận định tại đoạn [3], [4] của Bản án, đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 đã phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Hành vi của các bị cáo đã thực hiện có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn nên phải xem xét đến vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi đó.

[7] Bị cáo Lê Văn N có vai trò chính, là người nảy sinh ý định đánh bạc, rủ các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc, chuẩn bị công cụ đánh bạc (quân vị, bát, đĩa), trực tiếp cầm cái và là người có số tiền sử dụng đánh bạc nhiều nhất. Vai trò tiếp theo thuộc về bị cáo Lý Văn N1 là người cầm cái thay bị cáo Lê Văn N, tích cực tham gia đánh bạc với số tiền sử dụng bạc nhiều thứ hai trong vụ án. Các bị cáo còn lại Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, mỗi bị cáo có số tiền sử dụng đánh bạc nhiều, ít khác nhau nhưng cùng có vai trò tích cực tham gia đánh bạc nên phải chịu mức hình phạt tương xứng như nhau và thấp hơn các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1. Bị cáo Hoàng Ngọc L1 đến tham gia đánh bạc sau cùng, có số tiền đánh bạc ít nhất nên có vai trò thấp nhất trong vụ án, phải chịu mức hình phạt phù hợp.

[8] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[8.1] Về nhân thân: Các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 đều không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[8.2] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8.3] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, tại phiên tòa thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Lý Văn N1 là lao động duy nhất trong gia đình, có xác nhận của UBND xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 03-01-2024; bị cáo Lý Văn N1 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của địa phương nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải về hành vi của bản thân, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, trong đó bị cáo Lý Văn N1 có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà xét xử các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7 hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định; bị cáo Hoàng Ngọc L1 xét xử hình phạt cải tạo không giam giữ. Việc cho các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, hình phạt cải tạo không giam giữ cũng không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người biết ăn năn hối cải.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 làm ruộng, không có thu nhập để đảm bảo thi hành án; bị cáo Văn N1 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo.

[11] Đối với ông Hoàng Văn T3, bà Hoàng Thị N4, bà Hoàng Thị T4 là chủ nhà nơi các bị cáo sử dụng làm địa điểm để đánh bạc nhưng không biết việc các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình, không được hưởng lợi gì từ việc đánh bạc, do đó không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đĩa sứ có hoa văn; 01 bát sứ màu trắng có hoa văn; 01 chiếu xóp nhựa có hoa văn, hình vẽ, nhiều màu sắc, kích thước 223cm x 193cm, đã qua sử dụng là tài sản của gia đình ông Hoàng Văn T3, do không biết các bị cáo lấy làm công cụ sử dụng đánh bạc, gia đình ông Hoàng Văn T3 không yêu cầu nhận lại; đối với 04 quân vị hình tròn một mặt màu vàng, một mặt màu trắng là của bị cáo Lê Văn N làm công cụ sử dụng đánh bạc, các công cụ trên có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 34.230.000 đồng trong tổng số tiền 54.230.000 đồng đã thu giữ, có liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; số tiền còn lại 20.000.000 đồng trong tổng số tiền 54.230.000 đồng là tiền của gia đình bà Ma Thị H (vợ của bị cáo Lý Văn N1) do không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bà Ma Thị H.

[13] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân, mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng phù hợp với nhận định trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn N, Tô Văn C2, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Nông Văn V, Hoàng Ngọc L1 là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Bị cáo Lý Văn N1 thuộc diện người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của địa phương và tại phiên tòa có yêu cầu được miễn tiền án phí nên được miễn án phí theo qui định pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo qui định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn N.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lý Văn N1.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Tô Văn C2, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Nông Văn V.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 36, 50, 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Ngọc L1.

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, các Điều 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Lý Văn N1, Tô Văn C2, Nông Văn V, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Hoàng Ngọc L1 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Xử phạt bị cáo Lý Văn N1 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử

thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Xử phạt bị cáo Tô Văn C2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Xử phạt bị cáo Nông Văn V 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Xử phạt bị cáo Phương Văn N2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.6. Xử phạt bị cáo Lý Văn C7 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc

người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7. Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc L1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 10 (mười) ngày tạm giữ (từ ngày 15-10-2023 đến ngày 24-10-2023), quy đổi bằng 30 (ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ có hoa văn; 01 bát sứ màu trắng có hoa văn; 04 quân vị hình tròn một mặt màu vàng, một mặt màu trắng được niêm phong trong phong bì kí hiệu số 08; 01 chiếu xóp nhựa có hoa văn, hình vẽ, nhiều màu sắc, kích thước 223cm x 193cm, đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 34.230.000 đồng (trong tổng số tiền 54.230.000 đồng đã thu giữ).

3.3. Trả lại cho bà Ma Thị H số tiền còn lại 20.000.000 đồng (trong tổng số tiền 54.230.000 đồng đã thu giữ)

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 21 tháng 12 năm 2023 và ngày 22 tháng 12 năm 2023)

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn N, Tô Văn C2, Phương Văn N2, Lý Văn C7, Nông Văn V, Hoàng Ngọc L1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo Lý Văn N1 được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện C;
- Nhà tạm giữ Công an huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phan Thị Thanh Huyền

